TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 201/2019/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 22 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - TP. ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 174/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông Trần Thanh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 99, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Nguyễn Lê Bích T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ 99, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 7 năm 2019, người yêu cầu là ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S, TP. Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2015, quyển số 01/2014 do UBND phường N, quận S, TP. Đà Nẵng chứng nhận ngày 13/5/2015), hôn nhân tự nguyện. Trong quá

trình chung sống, do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cải vả, không còn tình cảm gì với nhau nữa. Nay ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T đều thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T xác định có 01 con chung là Trần Lê Thanh T, sinh ngày 14/5/2016.

Ly hôn, ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T thống nhất giao con chung Trần Lê Thanh T cho bà Nguyễn Lê Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5000.000 đồng cho đến khi con chung của ông bà đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8 năm 2019.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 07960 ngày 12/7/2019.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2015, quyển số 01/2014 do UBND phường N, quận S, TP. Đà Nẵng chứng nhận ngày 13/5/2015).

* Về con chung: ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T xác định có 01 con chung là Trần Lê Thanh T, sinh ngày 14/5/2016.

Ly hôn, ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T thống nhất giao con chung Trần Lê Thanh T cho bà Nguyễn Lê Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5000.000 đồng cho đến khi con chung của ông bà đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8 năm 2019.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

* Về tài sản chung: ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T xác định không có nợ chung.

2**.** Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Lê Bích T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 07960 ngày 12/7/2019.

3**.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND Q. S;*
- *Các đương sự;*
- *CC THADS Q. S;*
- *UBND P. N, quận S, TP. Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa